



Bản Đồ Hành Chính

Diện Tích : 918,46 km²

Dân Số : 2.688.000 người

Bao Gồm 7 quận nội thành và 5 huyện ngoại thành

Nội Thành :

Quận Ba Đình

Quận Hoàn Kiếm

Quận Hai Bà Trưng

Quận Đống Đa

Quận Tây Hồ

Quận Cầu Giấy

Quận Thanh Xuân

Ngoại Thành :

Huyện Đông Anh

Huyện Gia Lâm

Huyện Từ Liêm

Huyện Thanh Trì

Huyện Sóc Sơn

1) Quận Ba Đình

Diện tích: 9,3 km²

Dân số: 202.700

Mật độ dân số: 21.797 người/km²

Đơn vị hành chính: 12 phường

Di tích - Địa danh

- Chùa Một Cột
- Chùa Trấn Quốc
- Đền Quán Thánh
- Thành Cổ
- Quảng trường Ba đình
- Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh
- Nhà sàn Bác Hồ
- Cột cờ Hà nội
- Công viên Bách Thảo



1.1) Chùa Một Cột

Chùa Một Cột là một quần thể kiến trúc gồm ngôi chùa và toà đài giữa hồ, vốn có tên là chùa Diên Hựu và đài Liên Hoa. Đài này từ lâu quen gọi là chùa Một Cột. Chùa xưa nằm ở phía Tây thành Thăng Long, thuộc thôn Ngọc Thanh, Ngọc Hà, nay là địa điểm phía sau Lăng Bác. Chùa được dựng trên một hồ hình vuông, giữa hồ có một cột đá, cao chừng hai trượng, chu vi chín thước, đầu trụ đặt một toà chùa ngói nhỏ, hình như một đoá hoa sen dưới nước mọc lên vì thế chùa có tên là chùa Nhất Trụ hay chùa Một Cột. Chùa được xây dựng từ năm 1049, tức năm





đầu niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo vua Thái Tông nhà Lý. Tục truyền khi ấy vua Thái Tông tuổi đã cao mà chưa có con trai nên thường đến cầu tự ở các chùa. Một đêm vua nằm chiêm bao thấy đức phật Quan Âm hiện trên đài hoa sen trong một cái hồ vuông ở phía Tây thành, tay bế một bé trai đưa cho nhà vua. Sau đó quả nhiên nhà vua sinh con trai. Thấy ứng nghiệm, vua liền sai lập chùa để thờ phật Quan Âm. Khi chùa làm xong vua triệu tập toàn bộ các tăng ni phật tử ở kinh thành đứng châu xung quanh, tụng kinh suốt bảy ngày đêm và lập thêm một ngôi chùa lớn bên cạnh để thờ chư phật gọi là chùa Diên Hựu.

Năm 1105, vua Lý Nhân Tông cho sửa lại chùa, dựng lên một cây tháp bằng đá trắng trước cửa chùa Diên Hựu gọi là tháp Bạch Tuynh. Tháp cao 13 trượng. Từ tháp vào chùa Một Cột đi bằng một hành lang cầu vòng. Mỗi tháng hai ngày Rằm, mồng Một, nhà vua cùng các hậu, phi, cung tần và cận thần tới chùa lễ phật. Đặc biệt cứ đến ngày 8 tháng Tư âm lịch hàng năm là ngày Phật sinh, nhà vua lại ngự ra chùa trước một đêm, giữ mình chay tịnh để làm lễ tắm phật ngày hôm sau. Ngày này rất đông các tăng ni phật tử và nhân dân các nơi tới dự, làm nên ngày hội lớn ở kinh đô. Trong ngày này, tại chùa có lễ phóng sinh. Lễ phóng sinh bắt đầu ngay sau lễ tắm phật, nhà vua đứng trên đài cao, tay cầm một con chim thả cho bay đi, sau đó đến các tăng ni và các thiện nam tín nữ đua nhau mỗi người thả một con, bóng chim bay rợp trời.

Sử cũ chép vào năm Long phù thứ tám (1108), nhà vua cho xuất kho một vạn hai ngàn cân đồng để đúc một quả chuông lớn gọi là Giác thế chung (chuông thức tỉnh ngưòi đời), để treo ở chùa Diên Hựu. Lại xây một toà Phư ơng đình bằng đá xanh cao tám trượng, trên nóc đình đóng những gióng sắt to để treo chuông. Nhưng chuông đúc xong đánh lại không kêu nên đành bỏ ngoài ruộng. Lâu ngày bị lãng quên, chuông thành tổ của rùa, vì thế chuông có tên Quy điền.



Năm 1922 trường Viễn đông Bác cổ có sửa chữa lại chùa và giữ đúng theo kiến trúc cũ.

Đêm 11-9-1954, bọn tay sai thực dân Pháp trước khi giao trả Thủ đô cho Chính phủ và nhân dân ta đã cố tình đặt mìn phá hoại chùa. Sau ngày tiếp quản Thủ đô, Chính phủ đã cho chiếu theo đồ dạng cũ, sửa chữa lại. Tháng 4-1955, chùa Một Cột được dựng hoàn nguyên như cũ. Cho đến năm 1958, nhân dịp Hồ Chủ Tịch đi thăm ấn Độ, nhân dân ấn đã kính tặng người cây Bồ đề của đất Phật và đã được trồng tại sân chùa.

1.2) Đền Quán Thánh

Đền được lập từ khi Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long (1010). Vua cho rước bài vị của thần về ở phía Tây Bắc thành, gọi là Huyền Thiên Trấn Vũ đại đế quán. Quán là nơi thờ tự của đạo Giáo, dân chúng quen gọi là đền Trấn Vũ hoặc đền Quán Thánh. Đền hiện ở ngã tư đường Thanh Niên và đường Quán Thánh, đời Lê thuộc đất phường Thụy Chư ơng, huyện Vĩnh Thuận, phía Nam Hồ Tây.



Sự tích đền cho biết: Huyền Thiên Trấn Vũ là thần cai quản phương Bắc, đã nhiều lần sang giúp nước Việt đánh đuổi ngoại xâm: Lần thứ nhất, vào đời Hùng Vương thứ VI



đánh giặc từ vùng biển tràn vào, Lần thứ hai, vào đời Hùng Vương thứ VII đánh giặc Thạch Linh... Chuyện Huyền Thiên Trấn Vũ còn thêm chi tiết giúp dân trừ tà ma, yêu quái phá hoại đời sống yên lành vùng xung quanh thành Thăng Long: trừ rùa thành tinh (đời Hùng Vương 14), trừ cáo chín đuôi ở Tây Hồ, giúp An

Dương Vương trừ tinh gà trắng xây thành Cổ Loa, diệt Hồ ly tinh trên sông Hồng đời Lý Thánh Tông... Đến thời nhà Lê, các vua cũng thường đến đây để cầu mưa mỗi khi có hạn hán, những lời khấn thần còn ghi trong "Thiên Nam Dư hạ tập".

Ngôi đền hiện nay đã được sửa chữa nhiều lần. Năm Đinh Tỵ niên hiệu Vĩnh Trị II (1677), đời Lê Hy Tông, chúa Trịnh Tạc sai đình thần là Nguyễn Đình Luân trùng tu.

Tượng Huyền Thiên Trấn Vũ được triều đình cho đúc lại bằng đồng đen (hun). Tượng cao 3,07m, chu vi 8m. Tượng mặt vuông, mắt nhìn thẳng, râu dài, tóc xoắn không đội mũ, mặc áo đạo sĩ, ngồi trên bục đá, tay trái bắt quyết, tay phải chống gươm có rân quấn và chống lên lưng một con rùa. Tượng Huyền Thiên Trấn Vũ là một công trình nghệ thuật độc đáo, đánh dấu kỹ thuật đúc đồng và tài nghệ của dân ta cách đây 3 thế kỷ. Tại nhà bái đường còn một pho tượng nữa, nhỏ hơn, cũng bằng đồng đen, nhiều người cho rằng đây là tượng ông Trùm Trọng, người thợ cả đã chỉ huy việc đúc pho tượng Trấn Vũ. Tượng này là do các học trò của ông đúc để ghi nhớ công ơn của thầy. Cùng đúc với tượng là quả chuông cao gần 1,5m treo ở gác tam quan.

Văn bia tại đền do trạng nguyên Đặng Công Chất và tiến sĩ Hồ Sĩ Dương soạn. Thời Tây Sơn, đô đốc Lê Văn Ngữ, cùng nhiều người nữa đã quyên tiền đúc chiếc khánh bằng đồng (chiều 1,10 x 1,25m) vào năm Cảnh Thịnh thứ hai. Đến đời Nguyễn, vua Minh Mạng đến thăm đền, đã cấp tiền tu sửa. Năm 1923 cho đổi là Trấn Vũ quán. Năm 1856, bố chánh Sơn Tây là Phạm Xuân Quế, bố chánh Hà Nội là Tôn Thất Giáo, tri huyện Vĩnh Thuận là Phan Huy Khiêm đã tổ chức quyên góp trùng tu, sửa lại chính điện, đình thiêu hương, bái đường và gác chuông, làm thêm hai dãy hành lang bên phải và bên trái, đắp lại 4 pho tượng đại nguyên soái, tượng thần Đường Niên hành khiển, Văn Xương Đế Quân và đời xuống hậu đường phía sau. Năm 1842, vua Thiệu Trị đến thăm và dâng một đồng tiền vàng, cộng với số tiền vàng do các hoàng thân dâng, đúc lại thành vòng. Vòng dùng sợi dây bạc xâu để treo ở cổ tay tượng thần. Đằng sau đền lại đắp hòn núi non bộ trong một bể con và dựng một đền nhỏ gọi là Vũ Đường Sơn. Sửa chữa xong, có dựng bia do tiến sĩ Lê Hy Vĩnh soạn. Đền hiện nay có 6 bia, kiến trúc, trang trí của đền hiện nay mang phong cách đời Nguyễn.

1.3) Thành Cổ

Nằm ở khoảng giữa của Hồ Tây và Hồ Hoàn Kiếm là khu Thành cổ Hà Nội.

Thành Hà Nội cổ được xây từ thế kỷ 11, đã nhiều lần bị tàn phá. Lần tàn phá cuối cùng là khi quân Pháp tấn công Hà Nội vào cuối thế kỷ XIX. Tường thành và các cung điện cổ bị phá hủy chỉ còn lại một



vài di tích như: Cửa Bắc của Thành ở phố Phan Đình Phùng xây bằng đá tảng và gạch nung rất kiên cố. Trên bờ tường còn dấu vết của đạn đại bác khi Pháp tấn công. Cột cờ Thành Hà Nội xây năm 1812 hiện nằm trên đường Điện Biên Phủ. Trong thành cổ chỉ còn dấu tích của các nền cung điện: Lầu công chúa (Đường Hoàng



Diệu), rồng đá bậc thềm Điện Kính thiên...

ở phía Nam thành cổ Hà Nội, còn lưu lại một phần kiến trúc của trường đại học đầu tiên ở Việt Nam: Văn Miếu—Quốc Tử Giám khởi dựng vào đầu thế kỉ 11 dưới thời nhà Lý. Người Hà Nội thường lấy hình ảnh của chùa Một Cột, Tháp Rùa, Khuê Văn Các, Cột Cờ làm biểu tượng của thành phố Thủ đô ngàn năm văn hiến.



Thành Cổ Hà Nội (trước kia)



Thành Cổ Hà Nội (trước kia)



Lầu Công Chúa (hiện nay)



Điện Kính Thiên (hiện nay)

1.4) Quảng Trường Ba Đình

Hà Nội là trái tim của nước Việt Nam, Quảng trường Ba Đình là trái tim của Hà Nội. Tại đây đã diễn ra những sự kiện trọng đại của Thủ đô và cả nước. Nguyên nơi đây vốn là khu vực cửa Tây của thành Hà Nội cổ. Đầu thời Pháp thuộc, thực dân Pháp phá thành làm một vườn hoa nhỏ gọi là điểm tròn Puginier. Năm 1945 mới có tên là vườn hoa Ba Đình. Chữ Ba Đình là để gọi nhớ dải đất Ba Đình ở tỉnh Thanh Hoá, nơi đã nổ ra cuộc khởi nghĩa chống Pháp kéo dài từ tháng 9 - 1886 đến tháng 1—1887.



Quảng trường cũng là nơi chứng kiến hàng chục vạn đồng bào về dự lễ Độc lập ngày 2 - 9 - 1945. Ngày 9-9-1969, sáu ngày sau khi Hồ Chủ tịch qua đời, cũng tại Quảng trường này, lễ truy điệu Người đã được cử hành trọng thể. Hàng vạn đồng bào Thủ đô và các địa phương cùng 34 đoàn đại biểu quốc tế đã tới đây dự lễ.



Ngày nay mặt chính của Quảng trường là lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trước lăng là khoảng không gian rộng lớn với 320 mét chiều dài và 100 mét chiều rộng, đủ chỗ cho 20 vạn người dự mít tinh. Quảng trường có 168 ô cỏ bốn mùa xanh tươi. Chính giữa là cột cờ cao 30 mét. Quảng trường Ba Đình đã trở thành không gian thiêng liêng của Thủ đô Hà Nội.

1.5) Viện Bảo Tàng Hồ Chí Minh



Bảo tàng được xây dựng theo nguyện vọng của nhân dân Việt Nam nhằm tỏ lòng biết ơn và đời đời ghi nhớ công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quyết tâm học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người, đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, hữu nghị và hoà bình với nhân dân thế giới.

Bảo tàng được khánh thành ngày 19/5/1990, kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh "anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất", như Nghị quyết của Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hoá Liên hiệp quốc (UNESCO) đã thừa nhận. Về nội dung, Bảo tàng thể hiện cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn với dân tộc và thời đại. Về giải pháp trưng bày, Bảo tàng kết hợp hài hoà nội dung với kiến trúc, mỹ thuật và kỹ thuật.

Gian mở đầu phân trưng bày có tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng là nơi tổ chức các nghi lễ trọng thể. Phân trưng bày tiểu sử gồm hơn 2000 tài liệu, hiện vật, các phim tư liệu, các tác phẩm nghệ thuật được trình bày hệ thống giới thiệu cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm đường cứu dân cứu nước, lãnh đạo nhân dân Việt Nam phấn đấu vì độc lập, tự do, vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh và hoà bình hữu nghị giữa các dân tộc.



Phía bên phải phân tiểu sử là các tổ hợp không gian hình tượng mô tả đất nước Việt Nam, những chặng đường đấu tranh và thắng lợi của nhân dân Việt Nam gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bên trái phân tiểu sử là các gian chuyên đề về một số sự kiện lịch sử thế giới từ cuối thế kỷ XIX đến nay, thông qua các tư liệu, các tác phẩm nghệ thuật và phương tiện kỹ thuật giới thiệu những biến cố của thời đại tác động tới cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thắng lợi của nhân dân Việt Nam.

Bảo tàng Hồ Chí Minh còn có tầng triển lãm các chuyên đề về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về hình ảnh của đất nước Việt Nam và các chuyên đề khác.

Bảo tàng có kho báu quản hiện vật, tư liệu, có thư viện, có các hội trường phục vụ thuận lợi các hội nghị khoa học và các hoạt động văn hoá khác.

Địa chỉ: Số 3 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Giờ mở cửa: Sáng từ 8h đến 11h 30. Chiều từ 13h 30 đến 16h

Điện thoại: 8463757 - 8455435

1.6) Công Viên Bách Thảo

Công viên Bách Thảo nằm phía sau lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phủ Chủ tịch, diện tích rộng khoảng 20ha. Có hai lối vào, một lối ở đầu phố Hoàng Hoa Thám, một lối ở giữa phố Ngọc Hà. Nguyên là đất phường Khán Xuân. Năm 1890, thực dân Pháp lấy đất lập thành khu vườn trồng cây, nuôi muông thú và đặt tên là vườn thảo mộc nh ưng nhân dân ta quen gọi là Trại hàng hoa hay vườn Bách





thú.

Đại chiến thế giới thứ hai (1939 - 1945) chim muông chết dần vì không được chăm sóc. Thực dân Pháp chuyển số thú còn lại vào sở thú Sài Gòn. Nơi đây chỉ còn vườn cây. Sau ngày giải phóng Thủ đô, chính quyền ta sửa sang tu bổ và đổi tên là công viên Bách Thảo. Ở góc phía Tây Bắc công viên có một gò cao, ngày trước ở đây trồng nhiều

cây Sưa nên có tên gọi là núi Sưa. Đỉnh núi có một ngôi miếu cổ, thờ Huyền Thiên Hắc Đế, một cậu bé tương truyền có công giúp Vua Lý đánh giặc ngoại xâm.

Công viên Bách Thảo có nhiều rừng cây cổ thụ cành lá sum suê, tán rộng, bóng dài, và nhiều bồn hoa đẹp mắt, với những lối đi uốn lượn quanh co để kéo dài thêm dặm đường tham quan, hồ nước trong veo ăm ắp hoa sen, hoa súng, tất cả như muốn níu chân du khách. Nếu du khách am hiểu về Hà Nội nơi đây nguyên là ph



2) Quận Hoàn Kiếm

Diện tích: 5,29 km²

Dân số: 171.400

Mật độ dân số: 32.339 người/km²

Đơn vị hành chính: 18 phường

Di tích - địa danh:

- Hồ Gươm
- Đền Ngọc Sơn
- Đền Bạch mã
- Ô Quan Chưởng
- Nhà Hát lớn



2.1) Hồ Hoàn Kiếm

Theo các nhà khoa học hồ là một đoạn sót lại của sông Hồng sau khi sông đã chuyển dòng như hiện nay. Sự việc sông nước biến thiên ấy diễn ra cách đây vài nghìn năm. Trước đây hồ có tên là Lục Thủy vì sắc nước bốn mùa xanh. Thế kỉ XV, hồ Lục Thủy đổi tên là hồ Hoàn Kiếm. Cái tên Hoàn Kiếm gắn liền với câu chuyện trả gươm cho rùa vàng của vua Lê Thái Tổ.



Đảo Ngọc Sơn xưa được gọi là Tượng Nhĩ (tai voi), Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long đặt tên là Ngọc Tượng, đến đời Trần đổi tên là Ngọc Sơn. Tại đây đã có một ngôi đền dựng lên để thờ những người anh hùng liệt sĩ đã hy sinh trong kháng chiến chống Mông Nguyên. Về sau lâu ngày đền ấy sụp đổ, đến thời Vĩnh Hựu nhà Lê (1735 - 1739), chúa Trịnh Giang đã dựng cung Thụy Khánh và đắp hai quả núi đất ở trên bờ phía Đông đối diện với Ngọc Sơn



gọi là núi Đào Tai và Ngọc Bội. Cuối đời Lê, cung Thụy Khánh bị Lê Chiêu Thống phá huỷ. Một nhà từ thiện tên là Tín Trai, nhân nền cung cũ đã lập ra một ngôi chùa gọi là chùa Ngọc Sơn. Năm Thiệu Trị thứ ba (1843), chùa lại nhường cho một hội từ thiện đổi làm đền thờ Tam Thánh. Hội này đã bỏ gác chuông, xây lại các gian điện chính, các dãy phòng hai bên, đưa tượng Văn Xương đế quân vào thờ và đổi tên là đền Ngọc Sơn (Văn Xương là nhân vật đời Kiến Vũ, 25 - 55 sau công nguyên bên Trung Quốc, sau khi chết được phong là thần chủ về văn chương khoa cử)

Theo sách "Hà Thành linh tích cổ lục" thì ngay từ đời Lê, trên đảo Ngọc đã có đền thờ Quan Công, người nổi tiếng trung nghĩa đời Tam Quốc (Trung Quốc). Khi vua Lê và chúa Trịnh dùng hồ là nơi duyệt thủy quân thì đền được coi như một võ miếu. Dân Hà thành đã đem tượng Đức thánh Trần thờ phối hưởng bên cạnh Quan Công. Nhưng "Khâm định Việt sử thông giám cương mục" lại cho đó là tượng Lê Lai, công thần khai quốc đời Lê đã xả thân cứu chúa.



Năm Tự Đức thứ mười tám (1865), nhà nho Nguyễn Văn Siêu đứng ra tu sửa lại đền. Đền mới sửa đắp thêm đất và xây kè đá xung quanh, xây đình Trấn Ba, bắc một cầu từ bờ Đông đi vào gọi là cầu Thê Húc.



Trên núi Ngọc Bội cũ, ông cho xây một tháp đá, đỉnh tháp hình ngọn bút lông, thân tháp có khắc ba chữ "Tả Thanh Thiên" (viết lên trời xanh), ngày nay thường gọi đó là Tháp Bút. Tiếp đến là một cửa cuốn gọi là Đài Nghiên, trên có đặt một cái nghiên mực bằng đá hình nửa quả đào bở đôi theo chiều dọc, có hình ba con ếch đội. Trên nghiên có khắc một bài minh nói về công dụng của cái nghiên mực xét về phương diện triết học. Người đời sau ca ngợi là: Nhất đài Phương Đình bút. Từ cổng ngoài đi vào có hai bức tường hai bên, một bên là bằng rồng, một bên là bằng hổ, tượng trưng cho hai bằng cao quý nêu tên những người thi đỗ, khiến cho các sĩ tử đi qua càng gắng công học hành.

Tên cầu Thê Húc nghĩa là giữ lại ánh sáng đẹp của mặt trời. Cầu Thê Húc dẫn đến cổng đền Ngọc Sơn, còn gọi là Đắc Nguyệt Lâu (lâu được trăng) dưới bóng cây đa cổ thụ, ở giữa một vùng cây cối um tùm, trông như từ dưới nước nhô lên. Đền chính gồm hai ngôi nối liền nhau, ngôi đền thứ nhất về phía Bắc thờ Trần Hưng Đạo và Văn Xương. Tượng đặt ở hậu cung trên bệ đá cao khoảng 1m, hai bên có hai cầu thang bằng đá. Tượng Văn Xương đứng, tay cầm bút. Phía Nam có đình Trấn Ba (đình chấn sóng- ngụ ý là cột trụ đứng vững giữa làn sóng không lạnh mạnh trong nền văn hoá đương thời). Đình hình vuông có tám mái, mái hai tầng có 8 cột chống đỡ, bốn cột ngoài bằng đá, bốn cột trong bằng gỗ.



Các nhân vật được thờ trong đền ngoài Văn Xương Đế Quân, Lã Động Tân, Quan Vân Trường, Trần Hưng Đạo, còn thờ cả phật A Di Đà. Điều này thể hiện quan niệm Tam giáo đồng nguyên của người Việt.

Tuy là một ngôi đền kiến trúc mới, song đền Ngọc Sơn là một điển hình về không gian và tạo tác kiến trúc. Sự kết hợp giữa đền và hồ đã tạo thành một tổng thể kiến trúc Thiên - Nhân hợp nhất, tạo vẻ đẹp cổ kính, hài hoà, đăng đối cho đền và hồ, gợi nên những cảm giác chan hoà giữa con người và thiên nhiên. Đền và hồ đã trở thành những chứng tích gợi lại những kỉ niệm xưa về lịch sử dân tộc, thức tỉnh niềm tự hào, yêu nước chính đáng, cũng như tâm linh, ý thức mỗi người Việt Nam trước sự trường tồn của dân tộc.

2.2) Đền Bạch Mã

Đền xưa thuộc phường Hà Khẩu, tổng Hữu Túc, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, nay là số 3 phố Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Đền thờ thần Long Đỗ, hiệu Quảng Lợi Bạch Mã đại vương (Thần Long Đỗ tức thần núi Long Đỗ, cũng gọi là núi Nùng, nơi tiếp nhận khí thiêng của sông núi kinh thành Thăng Long). Đền đầu tiên được dựng ở trên đỉnh núi Nùng. Đến đời Lý, núi Nùng được chọn để dựng khu Hoàng thành nên đền được dời về Hàng Buồm.



Đền đã được sửa chữa nhiều lần, cuối thế kỷ 17 được tôn thêm nền cũ và mở rộng thêm. Năm 1781, chúa Trịnh chuẩn y cho dân các giáp Mật Thái, Bắc Thượng, Bắc Hạ, và Hà Khẩu xung quanh đền Bạch Mã được "tạo lệ" (sắm lễ vật tế, không phải sưu sai, tạp dịch khác). Năm 1829, sửa chữa thêm tráng lệ. Năm 1839 dựng thêm văn chỉ ở bên trái đền, dựng Phương đình để làm nơi cúng lễ các tuần tiết. Trong đền hiện nay còn lưu giữ được khá nhiều các hiện vật có giá trị như 15 văn bia (nội dung các văn bia đề cập đến sự tích của đền, thần, nghi lễ cúng thần, các lần trùng tu tôn tạo), các đồ thờ gồm các vũ khí thời cổ như xích, đao, thương, câu liềm... được sơn son thếp vàng, chạm khắc tinh xảo. Trong đền, ngoài các lư hương đồng, bình đồng, còn có cả tượng Phật và một đôi hạc, đôi phỗng trong tư thế đứng trang nghiêm.

Lễ hội đền hàng năm vào tháng Hai âm lịch, trước đây có tổ chức lễ đánh trâu rước xuân.

2.3) Ô Quan Chưởng

Đây là một trong 21 cửa ô còn sót lại của toà thành Thăng Long cũ xây dựng vào năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749), đến năm Gia Long thứ ba được xây dựng lại và giữ nguyên kiểu cách đến ngày nay.



Hiện cửa ô còn nguyên cửa chính và hai cửa con hai bên, trên tường cửa chính có gắn một tấm đá đặt năm 1882 ghi lệnh cấm người canh gác không được sách nhiễu nhân dân mỗi khi qua lại cửa ô. Bên trên cửa lớn có ba chữ hán Thanh Hà Môn nghĩa là cửa Thanh Hà (vì cửa này ở thôn Thanh Hà, cạnh cửa sông Tô Lịch xưa).

Cửa ô còn có tên gọi khác là ô Quan Chưởng. Tương truyền, tên gọi này bắt nguồn từ sự kiện năm Tự Đức thứ 26, khi thực dân Pháp đánh thành Hà Nội (20-11-1873), chúng kéo quân từ dưới tàu chiến đậu ở bến sông lên, khi bắt đầu qua cửa ô Thanh Hà thì vấp phải sức kháng cự quyết liệt của quân ta do một viên quan chưởng cơ chỉ huy và bị thiệt hại khá nặng. Về sau chúng có thêm viện binh. Kết cục quân ta từ viên chưởng cơ cùng toàn thể binh lính gồm một trăm người đều anh dũng hy sinh. Để tỏ lòng ngưỡng mộ người

chương cơ anh dũng, nhân dân đổi gọi cửa ô là ô Quan Chưởng. Tuy nhiên, sự kiện năm 1873 cho đến nay vẫn chưa được xác minh hư thực. Vì vậy, tên ô Quan Chưởng vẫn còn đó như một vấn đề tồn nghi của lịch sử.

3) Quận Hai Bà Trưng

Diện tích: 14,5 km²

Dân số: 356.500

Mật độ dân số: 24.589 người/km²

Đơn vị hành chính: 25 phường

Di tích - địa danh:

- Đền Hai Bà Trưng
- Chùa Liên Phái
- Công viên Lê nin



3.1) Công Viên Lê-Nin

Công viên Lenin nằm giữa bốn phố Trần Nhân Tông, Lê Duẩn, Đại Cồ Việt, Nguyễn Đình Chiểu diện tích rộng khoảng 50ha. Năm 1960, công viên bắt đầu đón khách. Ngày 11/1/1960 Hồ Chí Minh đã tới trồng cây đa lưu niệm. Ngày ấy, đất nước còn bị chia cắt nên công viên đặt tên là Thống Nhất để gợi nhớ tình cảm Bắc Nam ruột thịt. Ngày 19/4/1980 đổi tên vườn hoa là Công viên Lê nin đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh người thầy vĩ đại của phong trào vô sản và công nhân thế giới.



Công viên có hai cửa lớn, mở ra phố Trần Nhân Tông và đường Lê Duẩn. Công viên có nhiều bồn hoa bốn mùa phô sắc, những dãy thùy liễu mượt mà, những rừng thông suốt năm xanh thắm và những loài cây trái ngọt hoa thơm. Công viên Lê nin là nơi vui chơi, giải trí khá hấp dẫn của các tầng lớp nhân dân Hà Nội và du khách tới thăm Thủ đô. Có khu vui chơi giải trí dành riêng cho thiếu nhi, có đu quay chạy điện, máy bay bay trên khung sắt và nhà gương dị dạng hấp dẫn. Khắp lối dọc đường đi đều có những dãy ghế đá duyên dáng nép mình bên vòm hoa, tiện chuyện trò tâm sự, có một dải hồ hữu tình cho đôi bạn mặc sức bơi thuyền ngược xuôi trên hồ. Có "khu phong lan" với hàng trăm chủng loại và nhiều loài cây cảnh, cây thế... và những bể lớn, bể nhỏ bên trong cá bạc, cá vàng tung tăng bơi lội làm vui lòng và đẹp mắt du khách.



Đối với người già có khu "đảo Hoà Bình" ở giữa hồ yên tĩnh, tiện cho các cụ trầm tư. Mấy năm gần đây công viên dành riêng một khu để tổ chức hội hoa xuân, đây là nơi hàng năm tụ hội mọi tài hoa bậc nhất của ngành cây xanh cả nước trong dịp xuân về. Những loài cỏ đẹp, hoa xinh ở khắp nơi về đây góp phần làm bằng chứng cho sự phong phú diệu kỳ của loài thảo mộc nước ta, đồng thời làm cho công viên thêm hương, thêm sắc, thêm hấp dẫn.

4) Quận Đống Đa

Diện tích: 9,94 km²

Dân số: 336.000

Mật độ dân số: 33.804 người/km²

Đơn vị hành chính: 21 phường

Di tích - địa danh:

- Văn Miếu
- Chùa Láng



Văn Miếu–Quốc Tử Giám



Văn Miếu được xây dựng tháng 8 năm Canh Tuất, tức tháng 10 năm 1070 (đời Lý Thánh Tông) là nơi thờ các thánh hiền đạo nho (Khổng Tử, Mạnh Tử...). Sáu năm sau (1076), Lý Nhân Tông lập thêm Quốc Tử Giám ở kề sau Văn Miếu, ban đầu là nơi học của các hoàng tử, sau mở rộng thu nhận cả những học trò giỏi trong thiên hạ. Văn Miếu có tường bao quanh xây bằng gạch Bát Tràng. Bên trong có những lớp tường ngăn thành 5 khu. Khu thứ nhất bắt đầu với cổng chính. Trên cổng có chữ Văn miếu môn, dưới cổng có đôi rồng đá mang phong cách đời Lê Sơ (thế kỷ 15). Lối đi ở giữa dẫn đến cổng Đại trung môn mở đầu cho khu thứ hai. Hai bên còn có hai cổng nhỏ có tên là Thành đức và Thành đạt. Vẫn lối đi ấy dẫn tới Khuê văn các (gác vẽ đẹp của sao khuê, sao chủ về văn học). Hai bên gác có hai cổng nhỏ có tên là Súc Văn và Bí Văn (Văn hàm súc và Văn sáng đẹp).



Khu thứ 3 từ gác Khuê văn tới Đại thành môn. ở giữa khu này có một hồ vuông gọi là Thiên Quang Tỉnh (Giếng trời trong sáng) có tường hoa bao quanh. Hai bên là khu nhà bia (tức nơi dựng bia ghi tên những người đỗ tiến sĩ). Hiện nay có 82 bia, xưa nhất là bia ghi khoa Đại Bảo thứ 3 (năm 1442), muộn nhất là bia Cảnh Hưng thứ 40 (năm 1779). Đó là những di vật quý nhất của khu di tích này. Bước qua cửa Đại Thành là tới khu thứ tư. Một cái sân rộng, hai bên là hai dãy nhà tả vu, hữu vu, vốn dùng làm nơi thờ các danh nho. Cuối sân là nhà Đại Bái, kiến trúc đẹp và hoành tráng.



Tại đây có một số hiện vật quý: bên trái có chuông Bích Ung đại chung (chuông lớn của nhà Giám) do Nguyễn Nghiễm đúc năm 1768, bên phải có một tấm khánh đá, mặt trong có hai chữ Thọ Xương, mặt ngoài khắc bài minh viết kiểu chữ lệ, nói về công dụng của loại nhạc khí này. Tiếp sau Đại Bái là Hậu Cung nơi đặt tượng Khổng Tử và 4 môn đệ là Nhan Tử, Tăng Tử, Mạnh Tử, Tử Tư. Sau khu Đại Bái vốn là trường Quốc Tử Giám đời Lê, khi nhà Nguyễn chuyển trường này vào Huế thì ở nơi đây dựng đền Khải Thánh thờ cha mẹ Khổng Tử. Năm 1947, giặc Pháp đã đốt trụi khu này.





Ngày nay Thành phố Hà Nội đã thành lập tại đây "Trung tâm hoạt động văn hoá khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám" để phát huy tác dụng của di tích trong các hoạt động văn hoá của Thủ đô. Đặc biệt trong năm 1999, thành phố đã cho khởi công xây dựng



lại nhà Thái học. Đây là một trong những công trình lớn chào mừng 990 Thăng Long - Hà Nội nhằm phục hồi lại quần thể di tích giá trị này.

5) Quận Tây Hồ

Diện tích: 23,94 km²

Dân số: 92.700

Mật độ dân số: 3.874 người/km²

Đơn vị hành chính: 8 phường

Di tích - địa danh:

- Hồ Tây
- Chùa Kim Liên

Hồ Tây :



Nói về Hồ Tây, nhà thơ Cao Bá Quát đã từng ví “Hồ Tây chân cá thị Tây Thi” (Hồ Tây đích thực là nàng Tây Thi). Có lẽ chưa một người nào yêu Hồ Tây và mê say Hồ Tây đến thế!

Hồ Tây, mặt gương của Hà Nội, lá phổi của chốn Long thành có diện tích rộng hơn 500 hecta với một bề dày lịch sử mấy nghìn năm. Nơi đây đã từng đọng lại và xếp lớp biết bao huyền thoại, in dấu biết bao tao nhân mặc khách của chốn phồn hoa thứ nhất Long thành. Đã, vẫn và sẽ còn là đề tài của thơ ca, nhạc họa...

Theo giải thích của các nhà khoa học thì Hồ Tây vốn là một khúc của con sông Hồng. Hồ xưa kia rộng và dài từ Tây qua Bắc sang Đông, nhưng đã được, hay bị người Thăng Long - Đông Đô - Đông Kinh cùng với thời gian đắp và lấp thành từng đoạn. Vì thế mà thành hồ Cổ Ngựa (khoảng phố Phạm Hồng Thái sang Hàng Than, nay cũng đã bị lấp nốt), rồi hồ Trúc Bạch (hồ Giật lựa) và Hồ Tây của ngày hôm nay. Đê Cổ Ngựa qua văn bia chùa Trấn Quốc cho biết được đắp ngăn hồ khoảng năm 1620, có tên là Cổ Ngự Yển, nghĩa đen là đập ngăn nước, về sau đọc chệch là Cổ Ngự và nay là đường Thanh Niên.

Vẻ đẹp của Hồ Tây còn được điểm tô thêm bởi những di tích, cảnh đẹp của các làng nghề xung quanh hồ như Bến Trúc, Đồng Bông (Nghị Tầm), đàn thê Đồng Cổ, chợ đêm Khán Xuân và những câu chuyện về tiếng đàn hành cung thời chúa Trịnh cũng như những cánh Sâm Cầm thường về rợp bóng mặt hồ những ngày tháng Giêng... Thần thoại dẫn ta trở về với một Hồ Tây huyền thoại với những cái tên khác nhau, mỗi tên hoặc là lưu giữ một sự tích về nguồn cội hoặc sự tạo lập của hồ, song rất lạ là tên nào cũng đẹp.

Một trong những cái tên như thế là hồ Trâu Vàng (Kim Ngưu u hồ). Chuyện kể rằng trên núi Tiên Du có trâu vàng, nhà sư



A photograph showing a group of people in a canoe on a body of water during sunset. The sun is a large, bright yellow circle in the upper center of the frame. The water is calm, reflecting the golden light of the sun. In the foreground, the silhouettes of several people are visible in the canoe. In the background, there are more people in smaller boats and a distant shoreline with trees under the orange glow of the setting sun.

Hồ Tây, Đầm Xác Cáo - hồ Trâu Vàng - hồ Mù Sương, mỗi cái tên gắn liền với một truyền kỳ. Ta bắt gặp ở đây nơi lắng hồn núi sông ngàn năm, lắng đọng đủ mọi chủ đề thần thoại Việt Nam, giàu chất thơ và mộng!

Dân số: 132.500

Đơn vị hành chính: 7 phường

7) Quận Thanh Xuân

Diện tích: 9,13 km²

Dân số: 154.600

Mật độ dân số: 16.934 người/km²

Đơn vị hành chính: 11 phường



TIỀM NĂNG DU LỊCH

Trong những năm qua, nền kinh tế Thủ đô Hà Nội cùng cả nước đạt được nhiều chuyển biến tích cực. Với chính sách mở cửa, tăng cường hội nhập nền kinh tế quốc gia vào đời sống kinh tế khu vực và quốc tế, các hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam có nhiều khởi sắc. Đặc biệt, ngành du lịch đã phát triển rất nhanh và trở thành một ngành kinh tế quan trọng của cả nước nói chung cũng như Hà Nội nói riêng.

Ngoài chức năng hành chính, chính trị, kinh tế và văn hoá, Hà Nội còn là một trung tâm du lịch có sức hấp dẫn của cả nước. Du lịch là một trong nhiều thế mạnh của Thủ đô.



Bảo Tàng Lịch Sử



Bảo Tàng Mỹ Thuật

Hà Nội, thành phố với bề dày lịch sử ngàn năm văn hiến chứa đựng tiềm năng du lịch to lớn vị trí Thủ đô của Hà Nội có ý nghĩa đặc biệt đối với việc phát triển du lịch. Nằm ở trung tâm Bắc Bộ, giữa vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ với kết cấu hạ tầng tương đối phát triển, thành phố có nguồn tài nguyên du lịch tiềm tàng, đặc biệt là tài nguyên văn hoá - lịch sử.

Trải qua bao biến động thăng trầm Hà Nội lưu giữ được nhiều di tích văn hoá - lịch sử có giá trị đối với hoạt động du lịch. Các di tích lịch sử, nghệ thuật, kiến trúc tạo thành bộ sưu tập quý giá trong kho tàng di sản văn hoá của Việt Nam.

Cho đến nay, Hà Nội có trên 300 di tích được công nhận di tích lịch sử văn hoá (trong khoảng 2000 di tích trên địa bàn), đứng đầu cả nước về số di tích được xếp hạng, mật độ trung bình 2 di tích/km². Nhiều loại di tích có ý nghĩa lịch sử gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước (thành Cổ Loa với sự tích An Dương Vương, khu di tích Sóc Sơn gắn với truyền thuyết chống giặc Ân của Phù Đổng Thiên Vương, khu di tích về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh...), Hà Nội vẫn còn lưu giữ nhiều công trình kiến trúc cổ, gồm hơn 600 ngôi chùa và khu phố cổ. Bên cạnh các công trình kiến trúc cổ còn có nhiều công trình mới được xây dựng như Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, cung Văn hoá Hữu Nghị... cùng hệ thống các



Cầu Long Biên



Phố Cổ Hà Nội

Viện bảo tàng và nhà hát phong phú, đa dạng (Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hà Nội, Bảo tàng Lịch sử, Bảo tàng Cách mạng...). Tiềm năng du lịch Hà Nội còn thể hiện ở các hoạt động văn hoá - văn nghệ dân gian, nghệ thuật múa rối nước là loại hình sân khấu dân tộc độc đáo hấp dẫn khách du lịch nước ngoài muốn tìm hiểu nền nghệ thuật truyền thống Việt Nam, các lễ hội truyền thống (Hội Lẻ Mật, hội Triều Khúc...), các làng nghề truyền thống (Đúc đồng Ngũ Xã, Gốm sứ Bát Tràng, Cốm Vòng....). ẩm thực Hà Nội được du khách trong nước và thế giới đánh giá cao (Phở bò, Chả cá Lã Vọng, Bánh cuốn Thanh Trì, Giò chả...).

Hà Nội đặc biệt với “mùa thu vàng” đã làm rung động biết bao tâm hồn thi sĩ... Hà Nội còn được gọi là thành phố “xanh” với các hàng cây thuốc nhiều loại khác nhau như xà cừ, bàng, sấu, phượng, hoa sữa... trải khắp phố phường xanh cả bốn mùa. Trên 300 vườn hoa, công viên và thảm cỏ cùng hệ thống tượng đài, các bể phun nước càng làm tăng thêm vẻ đẹp của Thủ đô. Nói đến Hà Nội không thể nói đến vẻ đẹp của hệ thống sông hồ. Dòng sông Hồng như dải lụa vắt ngang thành phố, hai bên bờ sông có biết bao di tích mà du khách có thể ghé thăm nếu đi du lịch bằng đường thuỷ. Những hồ đẹp và tiêu biểu của Hà Nội là Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Thuyền Quang, Hồ Trúc Bạch gắn với huyền thoại thiêng liêng giữ nước của dân tộc Việt Nam.



Phố Cổ Hà Nội



Phố Cổ Hà Nội

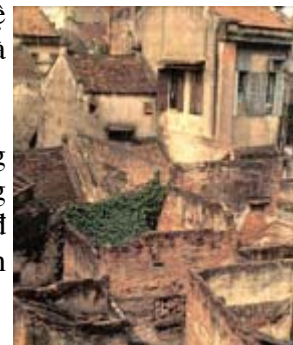
Ngoài ra, xung quanh Hà Nội trong bán kính 100 cây số có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp như rừng Cúc Phương, động Hương Tích, núi Tam Đảo, đền Hùng, Hoa Lư... Những điểm du lịch này kết hợp với Hà Nội thành vùng du lịch hấp dẫn và Hà Nội trở thành một đầu mối cho toàn vùng.

Có thể nói, một quần thể du lịch phụ cận bao quanh Thủ đô cấu thành một Hà Nội phong phú, đa dạng về tiềm năng du lịch, xứng đáng là một trung tâm du lịch lớn của cả nước. Hà Nội có nhiều danh thắng nổi tiếng, nhiều đặc sản và hàng thủ công mỹ nghệ với bản sắc riêng. Người Tràng An nổi tiếng duyên dáng và thanh lịch. Với tiềm năng ấy, cộng với một nền văn hoá đậm đà chất Á Đông, du lịch Hà Nội chắc chắn hấp dẫn khách trong nước và quốc tế.

Hà Nội là đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, là nơi hội tụ của 6 tuyến đường sắt, 8 tuyến đường bộ và đường hàng không. Hệ thống giao thông này là cầu nối Thủ đô với các tỉnh trong nước và thế giới.

Mạng lưới đường bộ trên lãnh thổ Hà Nội phát triển tương đối đồng bộ, không kể các đường phố trong nội thành (260 km) mật độ đường ô tô của thành phố khoảng 220 km/100 km² lãnh thổ. Nhiều tuyến đường quan trọng như quốc lộ 1,2,3,5,32... đi qua thành phố tạo nên mối liên hệ chặt chẽ giữa Hà Nội với các địa phương khác.

Hà Nội là đầu mối giao thông đường sắt quan trọng, lớn nhất cả nước. Hội tụ về đây có 6 tuyến đường chính: Hà Nội - Hải Phòng,



Phố Cổ Hà Nội

Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Uông Bí. Mạng lưới đường sắt góp phần không nhỏ hội của Thủ đô.

Mạng lưới đường sông, quan có 8 cầu cảng bốc xếp chủ yếu đạt 3 triệu tấn/năm.

Đường hàng không với sân bay quốc tế Nội Bài là đầu mối các tuyến xuyên Việt và quốc tế.



Phố Cổ Hà Nội

Minh, Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Cai, Hà Nội - Uông Bí. Mạng lưới trong việc phát triển kinh tế - xã

trọng nhất là sông Hồng. Hà Nội bằng cơ giới, năng lực bốc xếp

quốc tế Nội Bài là đầu mối các

Hoạt động du lịch, dịch vụ không ngừng được mở rộng và đang trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của Thủ đô. Năng lực cơ sở vật chất của ngành đã có bước phát triển vượt bậc, nếu như năm 1990, Hà Nội chỉ có 71 khách sạn, biệt thự và nhà khách với khoảng một ngàn buồng, trang thiết bị cũ kỹ, lạc hậu, một năm chỉ thu hút được 47000 khách thì đến nay trên toàn Thành phố có 331 khách sạn với 9.396 phòng, gồm 100 khách sạn quốc doanh 3.359 phòng, 17 khách sạn liên doanh với nước ngoài và 214 khách sạn ngoài quốc doanh 2.852 phòng. Đã có 72 khách sạn được xếp hạng sao gồm 4 khách sạn 5 sao, 3 khách sạn 4 sao, 18 khách sạn 3 sao, 32 khách sạn 2 sao và 12 khách sạn 1 sao, thu hút hơn 210.000 khách nước ngoài, gấp hơn 4 lần năm 1990.

Trong những năm qua, du lịch Hà Nội đạt tốc độ tăng trưởng nhanh và liên tục. Hiện giá trị sản xuất ngành du lịch chiếm khoảng 9% giá trị sản xuất khối dịch vụ. Doanh thu của ngành tăng hàng năm, bình quân thời kỳ 1996—1999 tăng 32%/ năm (năm 1996 đạt 903 tỷ đồng, năm 1997 đạt 1062 tỷ đồng, năm 1998 đạt 1134 tỷ đồng, năm 1999 đạt khoảng 1225 tỷ đồng).

Trong những năm qua, số lượng khách du lịch trong nước và quốc tế tăng lên nhanh chóng. Lượng khách quốc tế vào Hà Nội năm 1996 là 352.000 người, năm 1997 là 391.000 người, năm 1998 là 352.000 người, năm 1999 là 380.000 người, dự kiến năm 2000 là 450.000. Lượng khách nội địa năm 1996 là 700.000 người, năm 1997 là 809.000 người, năm 1998 là 937.000 người, năm 1999 là 1.050.000 người, dự kiến năm 2000 là 2.000.000 người. Đội ngũ hướng dẫn viên du lịch hiện có 708 người. Trong đó có 369 người đã được cấp thẻ theo quy định mới. Một lực lượng lớn hướng dẫn viên không chuyên nghiệp tuy chưa được cấp thẻ chính thức, nhưng đã tham gia tích cực vào quá trình tổ chức hướng dẫn du lịch. Đặc biệt, Hà Nội là nơi tập trung nhiều trí thức nhân tài, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao so với các địa phương khác. Có thể nói đây là một nguồn lực quý, một lợi thế cần phát huy nhằm khai thác tiềm năng chất xám to lớn này trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô.

Hàng năm, Hà Nội tổ chức một số lượng lớn hội thảo, hội nghị với các tổ chức quốc tế song phương và đa phương.

Du lịch Hà Nội đã có sự chuẩn bị hướng tới ngày kỷ niệm 990 năm và 1000 năm Thăng Long lịch sử. Năm 1999, ngành đã triển khai thực hiện Nghị quyết 11 của Thành Ủy và Kế hoạch 104 của UBND Thành phố về “Đổi mới và phát triển du lịch”. Hướng tới năm 2000, thời điểm chuyển giao sang một thiên niên kỷ mới, là dấu mốc mới trong sự phát triển đi lên của ngành Du lịch. Vì vậy, ngay từ rất sớm, Đảng và Chính phủ đã chủ trương xây dựng một Chương trình Hành động quốc gia về Du lịch và tổ chức chu đáo những sự kiện năm 2000. Chủ đề “Việt Nam điểm đến của thiên niên kỷ mới” của chương

trình Hành động quốc gia này đã thể hiện sự coi trọng đó: nâng cao chất lượng về mọi mặt của Du lịch lên một tầm cao mới, đồng thời đưa Du lịch hội nhập chặt chẽ hơn và sâu rộng hơn vào du lịch thế giới. Mặt khác, chương trình Hành động quốc gia là một bộ phận của chương trình phát triển kinh tế và văn hoá của đất nước, góp phần thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở và hội nhập quốc tế của nước ta. Bước vào thiên niên kỷ mới cùng với sự cố gắng nỗ lực và đồng lòng của các ngành, các cấp, du lịch Hà Nội sẽ cùng với cả nước góp phần đưa "Việt Nam trở thành điểm đến của bạn bè du khách khắp năm châu.